

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2019/DS-ST**
Ngày: 30/11/2019
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Giáp Văn Phẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Lê Quý V - Sinh năm 1972.

Trú quán: Số nhà 32, khu A, thị trấn H, tỉnh Lạng Sơn.

Anh V ủy quyền cho chị Lê Thị H1 - Sinh năm 1968.

Trú quán: Khu T, thị trấn H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

* Bị đơn: Anh Hà Quang T - Sinh năm 1977. Vắng mặt

Chị Hoàng Thị L - Sinh năm 1973. Vắng mặt

Đều trú tại: Thôn K – xã P- huyện L - Bắc Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Nguyễn Thị H2** - Sinh năm 1976.

Trú quán: Số nhà 32, khu A, thị trấn H, tỉnh Lạng Sơn.

Chị H2 ủy quyền cho chị Lê Thị H1 - Sinh năm 1968.

Trú quán: Khu T, thị trấn H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

Anh **Phạm Công C** - Sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn K – xã P- huyện L - Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2018, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn Anh Lê Quý V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2, đại diện theo ủy quyền cho Anh V, chị H2 chị Lê Thị H1 và trong quá trình xét xử nội dung vụ án như sau:

Vợ chồng Anh Lê Quý V, chị Nguyễn Thị H2 có quan hệ bạn bè quen biết với vợ chồng Anh Hà Quang T, Chị Hoàng Thị L. Vào ngày 30 tháng 4 năm 2008 Anh T, chị L có hỏi vay tiền Anh V số tiền 677.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn) để đáo hạn ngân hàng. Do là chỗ bạn bè quen biết với chị H1 nên Anh V tin tưởng đồng ý cho vợ chồng Anh T vay số tiền trên. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và ký nhận, ghi rõ Anh T, chị L vay Anh V, chị H2 số tiền 677.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn), lãi xuất 2%/ tháng, thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 30/4/2008, và có đặt 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Ngày 30/4/2009 là hết thời hạn vay vợ chồng Anh T, chị L phải trả tiền cho vợ chồng Anh V, chị H2 nhưng Anh T, chị L không trả được nợ. Anh V, chị H2 có đến nhà Anh T, chị L đòi nhiều lần nhưng vợ chồng Anh T, chị L không trả với lý do là chưa có tiền. Từ khi vay đến nay Anh T, chị L cũng chưa trả được cho vợ chồng Anh V, chị H2 một đồng nào.

Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 30/4/2008 đến ngày 30/4/2009 Anh T, chị L không có tiền để trả nợ nên đã thỏa thuận viết giấy chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất mà trước đây khi vay tiền có đặt Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mua của anh Phạm Công C để làm tin. Sau đó Anh T, chị L vẫn không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Anh V được do việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Anh T và Anh C chưa làm xong. Đến ngày 01/4/2014 Anh T, chị L có gọi cho vợ chồng Anh V, chị H2 để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng vẫn không thực hiện được.

Nay Anh V, chị H2, đại diện theo ủy quyền cho Anh V, chị H2 là chị H1 đề nghị Anh T, chị L phải trả cho anh chị số tiền 677.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn) và số tiền lãi 2%/tháng, nhưng Anh V chỉ yêu cầu tính lãi 1%/tháng, tính từ ngày 14/9/2008 đến ngày 30/11/2019 là 910.565.000 đồng (Chín trăm mười triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) nhưng tính tròn là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng chẵn), tổng cả gốc và lãi Anh T, chị L phải trả cho vợ chồng Anh V, chị H2 là 1.477.000.000 đồng (Một tỉ bốn trăm bảy

mười bảy triệu đồng chẵn). Ngoài ra Anh V không đề nghị giải quyết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Anh V, chị H2 với Anh T, chị L và Anh C.

Tại phiên tòa người được ủy quyền là chị Lê Thị H1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh buộc Anh T, chị L phải trả cho Anh V số tiền 677.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn) và số tiền lãi 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng chẵn), tổng cả gốc và lãi Anh T, chị L phải trả cho vợ chồng Anh V, chị H2 là 1.477.000.000 đồng (Một tỉ bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Anh V, chị H2, chị H1 đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, Anh T, chị L, Anh C đã không chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình được qui định tại các điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Lê Quý V.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 305; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc Anh Hà Quang T, Chị Hoàng Thị L phải trả cho vợ chồng Anh Lê Quý V, chị Nguyễn Thị H2 số tiền 1.477.000.000 đồng (Một tỉ bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn) bao gồm tiền gốc và tiền lãi.

Đình chỉ yêu cầu của Anh Lê Quý V về việc “Nếu không trả lại tiền thì phải làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng cam kết chuyển nhượng giữa ông Phạm Công C và ông Lê Quý Việt”

Về án phí Anh Hà Quang T, Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Lê Quý V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết về quan hệ vay nợ với Anh Hà Quang T, Chị Hoàng Thị L. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho Anh T, chị L và Anh C. Tuy nhiên những người này không đến tòa án làm việc và cũng không có lời khai. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương hiện nay Anh T, chị L, Anh C vẫn có mặt tại địa phương, nhưng không hợp tác làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản đối với Anh T, chị L, Anh C theo quy định của pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu đòi nợ gốc của Anh Lê Quý V: Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận vay tiền giữa vợ chồng Anh Lê Quý V, chị Nguyễn Thị H2 với vợ chồng Anh Hà Quang T, Chị Hoàng Thị L là đúng sự thật. Vì hai bên có làm giấy vay tiền và ký nhận nợ, có ghi rõ thời hạn trả nợ. Đến thời hạn trả nợ, Anh V, chị H2 đòi nhiều lần nhưng Anh T, chị L không trả được nợ. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của Anh V là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi của khoản tiền vay: Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh Lê Quý V yêu cầu vợ chồng Anh Hà Quang T, Chị Hoàng Thị L phải trả số tiền lãi 2%/tháng từ số tiền gốc 677.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn). Tại phiên tòa hôm nay, người được ủy quyền là chị Lê Thị H1 yêu cầu Anh T, chị L phải trả cho Anh V số tiền gốc là 677.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn) và số tiền lãi 1%/tháng, tính từ ngày 14/9/2008 đến ngày 30/11/2019 là 910.565.000 đồng (Chín trăm mười triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) nhưng tính tròn là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng chẵn), tổng cả gốc và lãi Anh T, chị L phải trả cho vợ chồng Anh V, chị H2 là 1.477.000.000 đồng (Một tỉ bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn). Việc yêu cầu tính lãi của khoản tiền vay của Anh V không vượt quá 20%/năm theo đúng qui định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì thế yêu cầu tính lãi của Anh V là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Vì vậy cần buộc Anh Hà Quang T, Chị Hoàng Thị L phải trả cho vợ chồng Anh V số tiền nợ gốc là 677.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn) và tiền lãi là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng chẵn) là phù hợp với Điều 305; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Trong đơn khởi kiện, ngoài yêu cầu đòi nợ tiền gốc và tiền lãi Anh Lê Quý V và chị Nguyễn Thị H2 còn yêu cầu Anh Hà Quang T, Chị Hoàng Thị L phải làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Anh V theo như giấy cam kết ngày

14/9/2008 nếu Anh T, chị L không trả được tiền gốc và tiền lãi. Tại phiên tòa, chị Lê Thị H1 là người được ủy quyền xin rút yêu cầu này. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu trên.

[4] Yêu cầu đòi nợ của Anh V được chấp nhận do vậy Anh T, chị L phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm của khoản tiền này.

*** *Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 305; Điều Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Lê Quý V. Buộc vợ chồng Anh Hà Quang T, Chị Hoàng Thị L phải có trách nhiệm thanh toán cho Anh Lê Quý V, chị Nguyễn Thị H2 số tiền gốc là 677.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn) và tiền lãi là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng chẵn). Tổng cả gốc và lãi là 1.477.000.000 đồng (Một tỉ bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn).

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Anh Lê Quý V, chị Nguyễn Thị H2 về việc yêu cầu vợ chồng Anh Hà Quang T, Chị Hoàng Thị L phải làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nếu không trả lại tiền. (Theo giấy chuyển nhượng ngày 14/9/2008).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Hà Quang T và Chị Hoàng Thị L phải chịu 56.310.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh T, chị L chưa nộp án phí. Hoàn trả Anh V, chị

H1 (đại diện theo ủy quyền cho Anh V) số tiền 15.000.000 đồng là tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0005263 ngày 23/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, và số tiền 18.000.000 đồng là tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0001023 ngày 04/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Việt Hùng